TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tài

Ông Nguyễn Văn Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Phương Trang–Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị Kiều M, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V1, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Trần Chí D, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 20/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị Kiều M trình bày: Chị và anh Trần Chí D thành hôn năm 2011 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung được 04 năm, lúc đầu hạnh phúc nhưng sau thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ và sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh D. Về con chung, thời gian chị và

anh D sống chung có 01 con chung tên Đinh Trần Chí K sinh ngày 23/11/2014, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/5/2020 bị đơn anh Trần Chí D trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị M về thời gian sống chung, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.Trong thời gian sống chung như vợ chồng với chị M, chị M không chăm sóc cho mẹ anh, thường xuyên bài bạc nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh và chị M đã cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng 03 năm nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, anh thống nhất chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị M, để mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Về con chung anh thống để cháu Đinh Trần Chí K sinh ngày 23/11/2014 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 09, 14, 15 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Kiều M và Trần Chí D là vợ chồng.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Đinh Trần Chí K sinh ngày 23/11/2014 cho chị Đinh Thị Kiều M tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần Chí D không phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

- Về án phí: Đề nghị buộc chị Kiều M nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Chí D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Đinh Thị Kiều M và anh Trần Chí D sống chung như vợ chồng từ năm 2011. Chị Đinh Thị Kiều M và anh Trần Chí D đều xác định không có đăng ký kết hôn. Mặc khác, tại đơn xin xác nhận ngày 24/02/2020 Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân thị trấn T có nội dung xác nhận: Qua trích lục sổ kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân thị trấn T không tìm thấy tên Trần Chí D và Đinh Thị Kiều M. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Kiều M và anh Chí D sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Đinh Thị Kiều M và anh Trần Chí D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị Kiều M và anh Trần Chí D xác định có 01 con chung tên Đinh Trần Chí K sinh ngày 23/11/2014 hiện đang sống chung với chị M. Chị M và anh D thỏa thuận giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy: cháu K từ nhỏ sống chung với mẹ và thỏa thuận việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị M và anh D là đảm bảo điều kiện phát triển về mọi mặc của cháu K và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận. Giao cháu Đinh Trần Chí K sinh ngày 23/11/2014 cho chị Đinh Thị Kiều M tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Nhưng chị Đinh Thị Kiều M là người đang trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Đinh Thị Kiều M và anh Trần Chí D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị Đinh Thị Kiều M yêu cầu giải quyết về hôn nhân và gia đình nên chị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7]Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, các điều 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:Tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Kiều M và anh Trần Chí D là vợ chồng.

2.Về con chung: Giao cháu Đinh Trần Chí K sinh ngày 23/11/2014 cho chị Đinh Thị Kiều M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Chí D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Đinh Thị Kiều M nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016028 ngày 20/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị Kiều M đã nộp đủ.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã V;
- Ủy ban nhân dân thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga